

Bản án số: **101/2022/HNGĐ - ST**
Ngày: 22 - 9 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hòa
2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Toàn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 168/2022/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2022/QĐXX - ST ngày 15 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ma Thị B, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 9, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Phạm Xuân H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 9, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt; có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ma Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Phạm Xuân H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng tới năm 2018 trở lại đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không có tiếng nói chung, anh H thường xuyên đánh đập chị B. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không

đạt được, không thể tiếp tục chung sống nên chị B yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị B và anh H có 03 người con chung là cháu Phạm Khánh N, sinh ngày 11/12/2007; cháu Phạm Khánh H, sinh ngày 04/3/2011 và cháu Phạm Ngọc Hoàng O, sinh ngày 09/12/2018. Nay ly hôn chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả 03 con chung cho đến khi các cháu thành niên; không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Xuân H trình bày: Anh H và chị B tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng tới năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không có tiếng nói chung. Đến năm 2021, anh H phải đi chấp hành án cho tới nay. Hiện nay chị B yêu cầu ly hôn thì anh H đồng ý.

Về con chung: Chị B và anh H có 03 người con chung là cháu Phạm Khánh N, sinh ngày 11/12/2007; cháu Phạm Khánh H, sinh ngày 04/3/2011 và cháu Phạm Ngọc Hoàng O, sinh ngày 09/12/2018. Nay ly hôn anh H đồng ý giao cả 03 con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi các cháu thành niên; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt vì nguyên đơn, bị đơn đều đã có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ma Thị B; về con chung, giao cháu Phạm Khánh N, sinh ngày 11/12/2007; cháu Phạm Khánh H, sinh ngày 04/3/2011 và cháu Phạm Ngọc Hoàng O, sinh ngày 09/12/2018 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng; về nợ chung, tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của chị Ma Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Xuân H. Bị đơn có nơi cư trú tại xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng

xét xử thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

Đối với việc giải quyết vắng mặt của các bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị Ma Thị B và anh Phạm Xuân H đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 16/5/2006 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước đã được chị B cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh H là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Chị B và anh H đều thống nhất vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 do có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không có nói chung nên không hòa hợp. Do đó, chị B yêu cầu ly hôn thì anh H đồng ý. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B.

[4] Về con chung: Chị B và anh H có 03 người con chung là cháu Phạm Khánh N, sinh ngày 11/12/2007; cháu Phạm Khánh H, sinh ngày 04/3/2011 và cháu Phạm Ngọc Hoàng O, sinh ngày 09/12/2018. Quá trình giải quyết vụ án chị B và anh H thống nhất giao các con chung cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận này của chị B và anh H.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B và anh H không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh H tự thỏa, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị Ma Thị B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị B về việc ly hôn. Chị B được ly hôn với anh Phạm Xuân H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Khánh N, sinh ngày 11/12/2007; cháu Phạm Khánh H, sinh ngày 04/3/2011 và cháu Phạm Ngọc Hoàng O, sinh ngày 09/12/2018

cho chị Ma Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị B và anh H không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí:

Nguyên đơn chị Ma Thị B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000594 ngày 25/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã , thị trấn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào